

Số: 22/GPMT - UBND

Dĩ An, ngày 04 tháng 12 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định 3484/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2022 của UBND thành phố Dĩ An về việc Ủy quyền phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định cấp/cấp đổi/điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư, cở sở hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn thành phố Dĩ An;

Xét hồ sơ kèm theo văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất hàng ngũ kim các loại công suất 200.000 sản phẩm/năm, tương đương 160 tấn sản phẩm/năm” của Công ty TNHH Leading Edge;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Dĩ An tại Tờ trình số 541/TTr-PTNMT ngày 03 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Leading Edge, địa chỉ tại Lô E, đường số 8, KCN Sóng Thần 1, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất hàng ngũ kim các loại công suất 200.000 sản phẩm/năm, tương đương 160 tấn sản phẩm/năm” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất hàng ngũ kim các loại công suất 200.000 sản phẩm/năm, tương đương 160 tấn sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô E, đường số 8, KCN Sóng Thần 1, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 5420073466 do Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương chứng nhận lần đầu ngày 27 tháng 09 năm 2007, chứng nhận thay đổi lần 3 ngày 17 tháng 12 năm 2020.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Leading Edge mã số 3700406064 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 11 tháng 12 năm 2020.

1.4. Mã số thuế: 3700406064

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất ngũ kim các loại

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích dự án: 1.603m²

- Dự án có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm III quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công) và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Công suất thiết kế: sản xuất hàng ngũ kim các loại công suất 200.000 sản phẩm/năm, tương đương 160 tấn sản phẩm/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Quy trình sản xuất khuôn mẫu: Sắt → Tiện/phay → CNC → Khuôn

+ Quy trình sản xuất ngũ kim:

* Cây Inox đặc → Cắt laser → Tiện → Cán ren → Cây Inox

* Quy trình sản xuất từ nguyên liệu là tấm Inox mỏng: Tấm Inox mỏng → Cắt laser → Dập thành hình → Đục lỗ → Hàn với cây Inox → Làm sạch bề mặt bằng cơ học → Mài bóng bề mặt → Vệ sinh → Kiểm tra → Quét dầu bôi trơn → Lắp ráp → Đóng gói → Xuất hàng.

* Quy trình sản xuất từ nguyên liệu là thanh Inox dày: Thanh Inox dày → Cắt laser → Nung → Dập thành hình → Cắt ba zó → Đục lỗ → Hàn với cây Inox → Làm sạch bề mặt bằng cơ học → Mài bóng bề mặt → Vệ sinh → Kiểm tra → Quét dầu bôi trơn → Lắp ráp → Đóng gói → Xuất hàng

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả bụi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy

định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Leading Edge được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Leading Edge có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND thành phố Dĩ An.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 04 tháng 12 năm 2024 đến ngày 04 tháng 12 năm 2034).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Nhà máy sản xuất hàng ngũ kim các loại công suất 200.000 sản phẩm/năm, tương đương 160 tấn sản phẩm/năm” của Công ty TNHH Leading Edge, địa chỉ tại Lô E, đường số 8, KCN Sóng Thần 1, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật./. ✓

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Leading Edge;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;
- CT, PCT UBND Thành phố;
- Công thông tin điện tử Thành phố Dĩ An;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- UBND phường Dĩ An;
- LĐVP, CVKT;
- Lưu: VT.

**TM ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Trọng Tài

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,

XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2... /GPMT-UBND ngày 14 tháng 12. năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật bảo vệ môi trường (do nước thải phát sinh được thu gom đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Sóng Thần 1, không xả trực tiếp ra môi trường).

- Đã có thỏa thuận đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải Khu công nghiệp Sóng Thần 1 theo các văn bản đã ký với Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lẽ - CTCP (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Sóng Thần 1 và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực nhà xưởng với lưu lượng khoảng $0,4\text{m}^3/\text{ngày}$ thu gom về 01 bể tự hoại khu vực nhà xưởng (thể tích $12,75\text{m}^3$) sau đó tự chảy theo đường ống HDPE D200 về hố ga đấu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN Sóng Thần 1.

- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực văn phòng với lưu lượng khoảng $10,8\text{m}^3/\text{ngày}$ thu gom về 01 bể tự hoại khu vực văn phòng (thể tích $12,75\text{m}^3$) sau đó tự chảy theo đường ống HDPE D200 về hố ga đấu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN Sóng Thần 1.

- Nguồn số 3: Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải phát sinh với lưu lượng $1\text{m}^3/1\text{ năm}$, được thu gom chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý như chất thải nguy hại, không thải ra môi trường bên ngoài.

Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt ($11,2\text{ m}^3/\text{ngày}$) được thu gom, tự chảy về hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp Sóng Thần 1 tại 01 điểm trên đường số 8 tọa độ X (m) = $1204070,8$; Y (m) = $609006,9$ (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, mũi chiếu 3^0)

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình:

+ Nguồn số 1, 2 → 02 Bể tự hoại 03 ngăn → Tự chảy vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Sóng Thần 1.

+ Nguồn số 3 → Thu gom chuyển giao định kỳ 01 năm/lần

- Hóa chất sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Rà soát, thực hiện đúng các nội dung trong hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được thẩm định.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, hệ thống thu gom nước thải, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố đối với hệ thống thu gom nước thải. Cập nhật tình hình hoạt động vào sổ theo dõi hàng ngày.

- Khi phát hiện đường ống dẫn nước thải bị rò rỉ nước cần khắc phục kịp thời tránh nước thải tràn ra ngoài.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Đào tạo đội ngũ nhân viên nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Trường hợp xảy ra sự cố, Chủ cơ sở phải tiến hành dừng hoạt động hoặc giảm công suất sản xuất; tiến hành rà soát các công trình, thiết bị xử lý nước thải, quy trình vận hành hệ thống để xác định nguyên nhân và đưa ra các giải pháp khắc phục, cải tạo hoặc nâng cấp công trình xử lý; đồng thời báo cơ quan chức năng để phối hợp xử lý.

- Định kỳ hằng năm thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng hệ thống thu gom và tiêu thoát nước mưa nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại Khoản 1, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom toàn bộ nước thải phát sinh và thực hiện đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Sóng Thần 1.

- Đảm bảo phương án đấu nối, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

- Công ty chịu hoàn toàn trách về việc đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Sóng Thần 1 để tiếp tục xử lý trước khi thải ra môi trường.

- Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư KCN Sóng Thần 1 và phải ngưng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

- Thực hiện đúng quy định tại Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 12... /GPMT-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 1: Bụi phát sinh từ máy mài số 1
- Nguồn số 2: Bụi phát sinh từ máy mài số 2
- Nguồn số 3: Bụi phát sinh từ máy mài số 3
- Nguồn số 4: Bụi phát sinh từ máy mài số 4
- Nguồn số 5: Bụi phát sinh từ máy mài số 5
- Nguồn số 6: Bụi phát sinh từ máy mài số 6
- Nguồn số 7: Bụi phát sinh từ máy mài số 7
- Nguồn số 8: Bụi phát sinh từ máy mài số 8
- Nguồn số 9: Bụi phát sinh từ máy mài số 9
- Nguồn số 10: Bụi phát sinh từ máy mài số 10
- Nguồn số 11: Bụi phát sinh từ máy mài số 11
- Nguồn số 12: Bụi phát sinh từ máy mài số 12
- Nguồn số 13: Bụi phát sinh từ máy mài số 13
- Nguồn số 14: Bụi phát sinh từ máy mài số 14
- Nguồn số 15: Bụi phát sinh từ máy mài số 15
- Nguồn số 16: Bụi phát sinh từ máy mài số 16
- Nguồn số 17: Bụi phát sinh từ máy mài số 17
- Nguồn số 18: Bụi phát sinh từ máy mài số 18
- Nguồn số 19: Bụi phát sinh từ máy cắt laser
- Nguồn số 20: Bụi phát sinh từ máy phun cát

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01 (nguồn thải số từ số 1 đến số 18): X(m) = 1204139,74; Y(m) = 608925,82
- Nguồn thải số 19: được thu gom bằng thiết bị lọc bụi đi kèm máy cắt laser. Vị trí: X(m) = 1204118,85; Y(m) = 608983,67

- Nguồn thải số 20: được thu gom bằng thiết bị lọc bụi đi kèm máy phun cát. Vị trí X(m) = 1204134,22; Y(m) = 608964,69

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, mũi chiếu 3°)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: lưu lượng xả khí thải lớn nhất là $18.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 1: xả ra môi trường qua ống khói thải D600mm, cao 15m, xả liên tục 24/24 giờ trong thời gian Công ty hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ, cột B, $k_p=1$, $k_v=1$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
- Đối với dòng khí thải số 1					
1	Lưu lượng	m^3/h	-		
2	Bụi tổng	mg/Nm^3	200	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Bụi mài từ nguồn số 1 đến nguồn số 18 được thu gom bằng 18 ống mềm đường kính 150mm về 02 ống dẫn nhánh, phần đầu ống nhánh có đường kính 200mm, phần đuôi ống nhánh có đường kính 300mm, sau đó nối vào 1 ống dẫn chính có đường kính 500mm thông qua quạt hút có công suất $18.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ về hệ thống cyclone thu gom bụi mài. Dòng khí tiếp tục theo 01 ống dẫn đường kính 500mm vào tháp hấp thụ bằng nước để lưu giữ bụi mịn. Khí sạch thoát ra ngoài qua ống thải đường kính 600mm, cao 15m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Dòng khí thải số 1: Dòng khí thải số 1: Bụi từ nguồn số 1 đến 18 → 18 ống mềm D150mm → 02 ống nhánh D200-300mm → Ông chính D500mm → Cyclone thu bụi → Ông dẫn D 500mm → Tháp hấp thụ bằng nước (Đường kính D350 x Dài 3.800mm) → Ông thải D600mm, cao 15m.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

- Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Rà soát, thực hiện đúng các nội dung trong hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được thẩm định.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị xử lý khí thải; dự phòng thiết bị thay thế khi thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc.

- Trường hợp các thông số ô nhiễm trong khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, cán bộ vận hành tiến hành kiểm tra tháp hấp thụ, quạt hút theo quy trình vận hành hệ thống, kiểm tra toàn bộ hệ thống để tìm kiếm nguyên nhân và phạm vi sự cố để tiến hành xử lý.

- Khi xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho đến khi khắc phục được sự cố, đảm bảo không được gây ô nhiễm môi trường không khí. Đồng thời, thông báo cơ quan có chức năng có liên quan các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ tháng 12/2024 đến hết tháng 05/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Công trình xử lý khí thải 18000 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này, hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°45', mũi chiếu 3°.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH Leading Edge phải giám sát các chất ô nhiễm trong khí thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của thiết bị xử lý bụi, khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.2.2 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử

lý bụi, khí thải theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải: 3 ngày liên tiếp

- Loại mẫu và vị trí lấy mẫu khí thải: mẫu đơn tại ống thải khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn kỹ thuật môi trường mới bổ sung hoặc thay thế quy chuẩn hiện hành thì phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu hấp phụ để thường xuyên vận hành hiệu quả, công trình thu gom, xử lý khí thải.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 22... /GPMT-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Khu vực gia công cơ khí
- Nguồn số 2: Khu vực đóng gói
- Nguồn số 3: Khu vực máy dập
- Nguồn số 4: Khu vực hệ thống xử lý khí thải
- Nguồn số 5: Khu vực cắt laser
- Nguồn số 6: Khu vực lò nung
- Nguồn số 7: Khu vực mài
- Nguồn số 8: Khu vực tiện

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Tọa độ X (m) = 1204123,80; Y (m) = 608930,52
- Nguồn số 2: Tọa độ X (m) = 1204098,97; Y (m) = 608961,50
- Nguồn số 3: Tọa độ X (m) = 1204133,77; Y (m) = 608955,79
- Nguồn số 4: Tọa độ X (m) = 1204139,74; Y (m) = 608925,82
- Nguồn số 5: Tọa độ X (m) = 1204091,80; Y (m) = 608972,10
- Nguồn số 6: Tọa độ X (m) = 1204128,10; Y (m) = 608923,46
- Nguồn số 7: Tọa độ X (m) = 1204121,76; Y (m) = 608936,96
- Nguồn số 8: Tọa độ X (m) = 1204131,73; Y (m) = 608960,98

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' mũi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức giá tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực

				thông thường
--	--	--	--	--------------

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy và các thiết bị.
- Thường xuyên kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này. Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn kỹ thuật môi trường mới bổ sung hoặc thay thế quy chuẩn hiện hành thì phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỦNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 22./GPMT-UBND ngày 02/04/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp mực in thải	08 02 04	3
2	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	08 03 01	100
3	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	5
4	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	2
5	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác	17 08 03	100
6	Thùng kim loại dính hóa chất, dính thành phần nguy hại	18 01 02	5,68
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	0,01
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	70,6
9	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	3
10	Nhựa dính thành phần nguy hại	11 02 01	1
11	Ba zó kim loại dính thành phần nguy hại	07 03 11	9
12	Nước thải có các thành phần nguy hại	19 10 01	1.000
13	Cặn nước thải có các thành phần nguy hại	19 10 02	18
TỔNG KHỐI LƯỢNG			1.317,29

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Dây đai, thùng carton thải không dính thành phần nguy hại	100
2	Bao nilon thải không dính các thành phần nguy hại	100
3	Giấy văn phòng thải	100
4	Pallet nhựa	100
5	Phế liệu vụn kim loại không dính thành phần nguy hại	3.100
TỔNG KHỐI LƯỢNG		3.500

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động công nhân viên, khối lượng 19.656 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại (CTNH):

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 6 thùng chứa có nắp đậy, dán nhãn để thu gom và bảo quản CTNH, với thể tích mỗi thùng là 120 lít. Bên ngoài thùng chứa có dán mã chất thải nguy hại tương ứng Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho: 4,4 m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Khu vực lưu chứa CTNH có tường bao, mái che bằng tole, nền tráng xi măng, có rãnh chống tràn và hố thu, có biển cảnh báo nguy hại theo quy định, được trang bị đầy đủ các thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 6 thùng chứa có nắp đậy, dán nhãn với thể tích mỗi thùng là 20 lít đến 60 lít/thùng.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho: 4 m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho: kết cấu có mái che, tường bao xung quanh cao 2,5m nền bê tông, tường và mái bằng tole.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 10 thùng chứa có nắp đậy, dán nhãn với thể

tích mỗi thùng từ 10 lít đến 120 lít.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực: 5 m²

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Đảm bảo, chất thải phát sinh được thu gom, chuyển giao cho đơn vị có chức năng theo đúng quy định hiện hành.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 22./GPMT-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An)

1. Công ty TNHH Leading Edge có trách nhiệm thực hiện các công tác bảo vệ môi trường theo đúng nội dung giấy phép môi trường được cấp phép trong quá trình hoạt động.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường theo quy định của pháp luật.